

Bản án số: 122 /2020/DS-PT  
Ngày: 18 - 6 - 2020  
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Tấn Long

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Trần Quốc Cường

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18A/2018/DS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 969/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim T; địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017); có mặt.

2. *Bi đơn*: Bà Lâm Thi L sinh năm 1961

Địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hồng H – Trưởng phòng  
TN&MT thị xã N (theo văn bản ủy quyền số 1968/GUQ-UBND ngày

20/6/2018); vắng mặt lần thứ hai.

4. *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị L, bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/3/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Bà Ngô Thị T và bà Lâm Thị L là chị em ruột cùng mẹ là bà Lâm Thị K nhưng khác cha. Bà K chết ngày 01/9/1986 không để lại di chúc. Di sản bà K để lại là căn nhà xây cấp 4 nằm trên lô đất có diện tích 1.200m<sup>2</sup> tọa lạc tại thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24, thuộc thôn N, xã N, thị xã N. Năm 2004, bà Lâm Thị L viết giấy để cho bà T 01 phần diện tích lô đất có bề ngang 10m dài 35m nằm trong khuôn viên của di sản là thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24. Năm 2005, bà T đã xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất này và ở ổn định từ năm 2006 cho đến nay. Nay xảy ra tranh chấp, bà L không cho bà T ở trên diện tích đất đó nữa.

Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị K là thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24 số vào sổ cấp GCN: 00690 ngày 25/7/1997, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T chỉ yêu cầu xin được nhận hiện vật là phần diện tích đất bà đang quản lý theo đo vẽ ngày 25/01/2018 là 312 m<sup>2</sup> có nhà của bà xây dựng năm 2005; để căn nhà cấp 4 là di sản và phần đất còn lại cho bà L sử dụng, nếu có chênh lệch về giá trị tài sản bà T không yêu cầu bà L thanh toán lại.

*\* Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 07/5/2017; Biên bản lấy lời khai các ngày 30/3/2018; 08/6/2017; 08/6/2017; Biên bản hòa giải không thành ngày 13/6/2018 bị đơn bà Lâm Thị L trình bày:*

Bà Lâm Thị L và bà Ngô Thị T là hai chị em ruột cùng mẹ là bà Lâm Thị K. Ngày 01/9/1986 bà Lâm Thị K chết không để lại di chúc, cha bà Lâm Thị L tên gì bà L không rõ, cha bà T là ông Ngô K. Năm 1998, bà T lấy chồng và đi làm ăn xa. Năm 2004 thấy bà T có hoàn cảnh khó khăn nên bà L để bà T về ở một phần cùng trên vườn đất của mẹ để bà T xây nhà làm ăn sinh sống. Vào tháng 12/2004, bà L có viết giấy tay giao cho bà T một phần diện tích đất thuộc thửa số 456 tờ bản đồ số 24, có kích thước ngang 10 mét dài 35 mét. Năm 2005 bà T xây nhà và đưa gia đình về ở từ năm 2005 cho đến nay.

Nay bà Ngô Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế, bà Lâm Thị L không đồng ý vì lô đất mà bà T tranh chấp là thửa số 456 tờ bản đồ số 24, số vào sổ cấp GCN: 00690 ngày 25/7/1997 được cấp theo Nghị định 64 đúng tên họ bà Lâm Thị L chứ không phải đất di sản thừa kế của bà K.

Bà Lâm Thị L có đơn phản tố, yêu cầu bà Ngô Thị T trả lại cho bà thừa đất có kích thước ngang 10 mét dài 35 mét mà bà L đã cho bà Ngô Thị T quản lý sử dụng từ năm 2005 cho đến nay.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa có văn bản trình bày như sau:*

Theo các văn bản số 94/UBND ngày 17/10/2017; văn bản số 1660/UBND ngày 02/6/2017 của UBND thị xã N, văn bản số 1976/CNNH ngày 09/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh N, Biên bản xác minh ngày 12/7/2018 xác nhận thửa đất số 456 tờ bản đồ 24 do bà Lâm Thị L kê khai là đất do cha mẹ cho năm 1986 (thửa 456, tờ bản đồ số 24). Thông qua Hội đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã N và được Hội đồng thống nhất cấp, ký quyết định ngày 12/6/1997, ngày 25/7/1997 hộ bà Lâm Thị L được UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị L là phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18A/2018/DS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 612; 613; 650, 651; 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; *Tuyên xử:*

- Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị T.

- Bác yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị L về việc yêu cầu bà Ngô Thị T trả lại 312m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24 xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế” của nguyên đơn bà Ngô Thị T:

**+ Chia hiện vật cụ thể như sau:**

Bà Ngô Thị T được quản lý, sử dụng 312m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 456 thuộc tờ bản đồ số 24 tại thôn N, xã N, thị xã N trong đó có 67m<sup>2</sup> đất thổ cư và 245m<sup>2</sup> đất nông nghiệp có ký hiệu Lô 2. Trên đất có căn nhà cấp 4 (02) do bà Ngô Thị T tự xây dựng có diện tích 59m<sup>2</sup> (có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Bà Lâm Thị L được quản lý sử dụng 888m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24 tại thôn N, xã N, thị xã N (trong đó: Lô 1 có diện tích

601m<sup>2</sup>; Lô 3 có diện tích 387m<sup>2</sup>), trong đó có 133m<sup>2</sup> đất thổ cư và 755m<sup>2</sup> đất nông nghiệp; bà Lâm Thị L được sở hữu căn nhà thừa kế cấp 4 (01.2) có diện tích 32,86m<sup>2</sup> trên Lô 1; trên đất có 02 căn nhà do bà L xây dựng (căn nhà cấp 4 (01.1) có diện tích 178.14m<sup>2</sup> thuộc Lô 1 và căn nhà cấp 4 (03) diện tích 60m<sup>2</sup> thuộc Lô 3). Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo.

Bà Ngô Thị T và bà Lâm Thị L được quyền liên hệ với Cơ quan chức năng để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, phí, lệ phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-7-2018 bị đơn bà Lâm Thị L kháng cáo với nội dung “*không đồng ý phân chia đất của tôi (tại thửa số 456 tờ bản đồ số 24) cho bà Ngô Thị T. Phần đất này của 04 đời họ Lâm, không thể chia cho người khác được*”; đến ngày 06-8-2018 bà L nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thủ tục thì việc Tòa án cấp sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án lên Tòa án cấp phúc thẩm quá trễ hạn, trong khi ngày 09/8/2018 đã ra Thông báo kháng cáo nhưng đến ngày 20/02/2020 mới làm Phiếu gửi Hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định di sản thừa kế và người được hưởng thừa kế:

Tài sản tranh chấp là căn nhà cấp 04 xây dựng trên lô đất 1.200 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00690 ngày 25/7/1997 do UBND huyện N (nay là UBND thị xã N) cấp cho bà Lâm Thị L có nguồn gốc là của ông Lâm D (chết năm 1982) để lại cho bà Lâm Thị K (ông Lâm D có một người con duy nhất là bà Lâm Thị K). Bà Lâm Thị L thừa nhận thửa đất số 456, tờ 24 là đất do bà Lâm Thị K để lại, là “đất của 04 đời họ Lâm” để lại. Bà Ngô Thị T cho rằng căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 1.200 m<sup>2</sup> được xây dựng trên thửa đất số 456 tờ bản đồ số 24 là tài sản thừa kế

do bà K để lại. Từ các căn cứ trên xác định được căn nhà cấp 4 gắn liền trên diện tích đất 1.200 m<sup>2</sup> của thửa đất tranh chấp số 456 tờ bản đồ số 24 là di sản do bà Lâm Thị K để lại.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Lâm Thị K là bà Ngô Thị T và bà Lâm Thị L. Ngoài ra khi bà K chết không còn hàng thừa kế nào khác. Bản án sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế và hàng thừa kế như nội dung trên là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo về phân chia di sản thừa kế:

Bản án sơ thẩm đã phân chia di sản bằng hiện vật là phù hợp với hiện trạng di sản hoàn toàn có thể chia được và nhu cầu sử dụng của người được hưởng thừa kế. Thực tế thì bà T đã sử dụng một phần di sản từ năm 2005. Bà Lâm Thị L là người có công lớn trong việc quản lý, giữ gìn khối di sản từ khi bà Lâm Thị K chết năm 1986 cho đến nay nên có công gìn giữ di sản nên được hưởng một phần công sức bảo quản tương đương một kỷ phần thừa kế. Bản án sơ thẩm chia cho bà Lâm Thị L 2 phần, bà Ngô Thị T 1 phần di sản là phù hợp.

Phân chia theo pháp luật thì kỷ phần thừa kế bà Lâm Thị L được hưởng 2/3 là: 133m<sup>2</sup> đất thổ cư, 667m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và căn nhà cấp 4 có diện tích là 32,86m<sup>2</sup>; tổng giá trị: 168.373.700 đồng. Kỷ phần thừa kế bà Ngô Thị T được hưởng 1/3 là : 67m<sup>2</sup> đất thổ cư và 333m<sup>2</sup> đất nông nghiệp; tổng giá trị thừa kế mà bà Ngô Thị T được hưởng là: 49.969.000 đồng.

Diện tích đất được nhận là 400m<sup>2</sup> nhưng nguyên đơn là bà T tự nguyện nhận 312m<sup>2</sup> là phần đất bà T đã sử dụng ở ổn định từ năm 2005 cho đến nay và không yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch tài sản. Như vậy phần đất bà Ngô Thị T được nhận là: 67m<sup>2</sup> đất thổ cư và 245m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Việc chia cho bà T diện tích 312 m<sup>2</sup> đất vừa phù hợp với thực tế sử dụng đất của 02 gia đình bà T, bà L; vừa phù hợp với kết cấu đã được xây dựng không ảnh hưởng lẫn nhau.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị L:

Bà Lâm Thị L yêu cầu bà Ngô Thị T trả lại 312m<sup>2</sup> mà bà Ngô Thị T đang quản lý sử dụng, nhưng phần đất này là của bà Lâm Thị K thuộc di sản thừa kế, không phải tài sản của bà L và được chia thừa kế cho bà T ngay tại vị trí này nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L đòi lại diện tích 312m<sup>2</sup>.

Bản án sơ thẩm đã nhận định đầy đủ và toàn diện các nội dung khởi kiện, đánh giá đúng các tài liệu chứng cứ để từ đó xử phân chia thừa kế tài sản như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về thủ tục: Bản án sơ thẩm tuyên xử ngày 20-7-2018, ngày 27-7-2018 bị đơn bà Lâm Thị L kháng cáo, đến ngày 06-8-2018 bà L nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Ngày 09-8-2018 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo về việc kháng cáo. Tuy nhiên đến ngày 20-02-2020 thì Tòa án cấp sơ thẩm mới làm thủ tục gửi hồ sơ kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm là vi phạm thời hạn gửi hồ sơ kháng cáo theo quy định tại Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là sai sót mà Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 18A/2018/DS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm bà Lâm Thị L phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000638 ngày 06/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Lâm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT II thuộc TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Long**